| | |
|---|---|
| **TOÀ ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN CT**<br>**TỈNH TIỀN GIANG** | **CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |

Bản án số: 252 / 2021/DS-ST.

Ngày: 30 - 6 - 2021.

V/v: Tranh chấp " Hợp đồng góp hụi".

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CT – TIỀN GIANG**

***- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Trần Văn Nhơn.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Huỳnh Văn Phó.**

Ông **Lê Văn Nghĩa.**

***- Thư ký ghi biên bản phiên tòa:*** Ông **Nguyễn Thành Phục** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

Ngày 30 tháng 6 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Châu Thành, mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công kH vụ án thụ lý số: 219/2021/TLST-DS ngày 27/4/2021, về tranh chấp "Hợp đồng góp hụi", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐST-DS ngày 02 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Nguyễn Thị Ngọc T,** sinh năm 1980. Địa chỉ: ấp C, thị trấn TT, huyện CT, tỉnh Tiền Giang (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Nguyễn Thị Bé H,** sinh năm 1957. Địa chỉ: 175/1 ấp C, thị trấn TT, huyện CT-Tiền Giang (Vắng mặt-có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

** Tại đơn khởi kiện ngày 09/4/2021, lời kH trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T trình bày:*

Chị có tham gia dây hụi 2.000.000đ/tháng do bà Nguyễn Thị Bé H làm chủ, hụi khui ngày 24/11/2019 (ÂL), hụi có 29 phần, chị tham gia 01 phần, đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng trung bình là 1.500.000đ, số tiền chị đóng được của dây hụi này

là 21.000.000đồng. Đến ngày 22/01/2021 bà Nguyễn Thị Bé H tuyên bố bể hụi.

Nay chị khởi kiện yêu cầu bà Nguyễn Thị Bé H trả cho bà số tiền hụi đã đóng là 21.000.000đồng, yêu cầu thực hiện ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Tại bản tự kH ngày 20/5/2021, bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày:***

Thống nhất dây hụi mà chị T đã tham gia, hụi 2.000.000đ/tháng, khui ngày 24/4/2019 (ÂL), hụi có 29 phần, chị T tham gia 01 phần, đóng được 14 kỳ, mỗi kỳ đóng trung bình là 1.500.000đ, số tiền chị T đóng được của dây hụi này là 21.000.000đồng.

Nay bà thống nhất còn nợ chị T 21.000.000đồng tiền hụi, bà xin trả dần mỗi tháng 500.000đ cho đến khi hết nợ.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

**[1]** Về tố tụng: Bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H vắng mặt, nhưng có đơn xin vắng mặt, căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bà Nguyễn Thị Bé H.

**[2]** Về quan hệ pháp luật tranh chấp "Hợp đồng góp hụi".

**[3]** Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H trình bày thống nhất với nhau về H dây hụi mà chị T tham gia, thời gian mở hụi, số người tham gia trong dây hụi, số tiền hụi chị T đã đóng, thời gian bể hụi, số tiền hụi mà bà Bé H nợ chị T là 21.000.000đồng. Xét thấy, đây là những tình tiết được nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H thừa nhận nên thuộc trường hợp những tình tiết, sự kiện không cần phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Hội đồng xét xử xét thấy, giữa nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ngọc T và bị đơn bà Nguyễn Thị Bé H có thỏa thuận và giao kết hợp đồng góp hụi trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội, nên đây là giao dịch dân sự hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Quá trình thực hiện hợp đồng bà Nguyễn Thị Bé H đã vi phạm nghĩa vụ hợp đồng mà H bên đã thỏa thuận nên phát sinh tranh chấp. Trong vụ án này bà Nguyễn Thị Bé H là chủ hụi đã thu tiền của hụi viên tham gia, sau đó tuyên bố vỡ hụi nên bà Nguyễn Thị Bé H phải có nghĩa vụ trả lại phần tiền mà hụi viên đã đóng. Do đó, chị Nguyễn Thị Ngọc T khởi kiện yêu

cầu bà Nguyễn Thị Bé H có trách nhiệm trả lại số tiền đã đóng là 21.000.000 đồng là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Bà Nguyễn Thị Bé H xin trả dần mỗi tháng 500.000đồng, xét yêu cầu của bà Bé H không phù hợp với quy định của pháp luật và cũng không được chị T đồng ý, do đó Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu của bà Bé H.

[3] Về án phí: Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị Bé H do là người cao tuổi.

***Vì các lẽ trên:***

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 227; Điều 228 và khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 471 của Bộ luật dân sự năm 2015;

- Căn cứ Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ về họ, hụi, biêu, phường;

- Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

**Tuyên xử**: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc T.

**1.** Buộc bà Nguyễn Thị Bé H trả cho chị Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 21.000.000đồng (H mươi mốt triệu đồng), thực hiện sau khi Bản án có hiệu lực pháp luật.

**2.** Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Ngọc T có yêu cầu thi hành án, nếu bà Nguyễn Thị Bé H chậm thi hành số tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 357 của Bộ luật dân sự năm 2015.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Bà Nguyễn Thị Bé H được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Ngọc T 700.000đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004300 ngày 27/4/2021 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Tiền Giang.

**4.** Đương sự có mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

**5.** Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận th hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện CT;
- Chi cục THADS huyện CT;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

**Trần Văn Nhơn**